TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Tươi và bà Tạ Huyền Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2025/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị K, sinh ngày 17/8/1978 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096178013….

Địa chỉ cư trú: ấp KT, xã NC, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp BV, xã TA, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Dương Thị K trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 1998 và sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau vào ngày 29/6/2009. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng trầm trọng không thể giải quyết được. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà xét thấy hôn nhân giữa bà với ông T không thể tiếp tục duy trì, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên khởi kiện xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P sinh năm 1997 và Nguyễn Thị T, sinh năm 2000, các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia

Về nợ chung bà K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà K vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà K và ông T tự nguyện kết hôn năm 1998 và có đăng ký kết hôn ngày 29/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tân Ân, tỉnh Cà Mau), là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Về mâu thuẫn bà K cho rằng từ năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng không sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Đối với ông T đã biết việc bà K khởi kiện xin ly hôn với ông nhưng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà K. Mặt khác, ông T đã được Tòa án thông báo tham gia hòa giải và triệu tập để tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án, cho thấy ông T cũng không muốn hàn gắn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đặt ra. Như vậy, giữa ông T và bà K đã từ lâu không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ, giúp đỡ nhau và không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà K là trầm trọng, đời sống chung không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung. Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P sinh năm 1997 và Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 hiện đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà K. Cho bà Dương Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Án phí hôn nhân gia đình bà K phải chịu 300.000 đồng, bà đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003543 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu, bà K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- UBND xã Tân Ân;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên